Trung tâm Công báo và Tin học
Văn phòng Ủy ban Nhân dân, Tỉnh Quảng Ngãi
19.12.2022 13:51:53 +07:00

Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi
Cơ quan: Tỉnh Quảng Ngãi
Thời gian ký: 19/12/2022 13:46:24

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 189/KH-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 09 tháng 12 năm 2022*

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2023

Thực hiện hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 5406/BTTTT-CĐSQG ngày 03/11/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2023, như sau:

Phần I
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2022

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐẶT RA NĂM 2022

Thực hiện Quyết định số 27/QĐ-UBQGCĐS ngày 15/3/2022 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số về Ban hành kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2022; Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 26/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia; Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 18/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, UBND tỉnh đã ban hành các Kế hoạch: Số 181/KH-UBND ngày 31/12/2021, số 117/KH-UBND ngày 27/7/2022 về Phát triển chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Quảng Ngãi năm 2022. Đến tháng 12/2022, tỉnh Quảng Ngãi cơ bản đạt được những mục tiêu đã đặt ra; cụ thể:

a) Các Chỉ tiêu cơ bản về Chính quyền điện tử

- Thực hiện đạt chỉ tiêu về cung cấp dịch vụ công trực tuyến. 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; đạt tỷ lệ trên 30% hồ sơ được đăng ký và xử lý trực tuyến.

- Về phát triển hạ tầng, nền tảng, chưa đạt chỉ tiêu về người dùng điện thoại thông minh; đạt chỉ tiêu hộ gia đình có kết nối Intermet băng rộng; đạt chỉ tiêu về cơ quan nhà nước 04 cấp chính quyền kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

- Nền tảng giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) được thiết lập, chưa xây dựng Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP).

- Cơ bản đạt chỉ tiêu về phát triển dữ liệu, việc số hóa hồ sơ tại bộ phận một cửa được thực hiện đáp ứng lộ trình, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành

chính còn hiệu lực theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ đã có kết quả bước đầu.

- Đã đạt chỉ tiêu về Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến thông suốt 4 cấp chính quyền.

- Cổng dịch vụ công trực tuyến và hệ thống Một cửa điện tử được triển khai, hoạt động thường xuyên tại 100% cơ quan hành chính có liên quan thuộc tỉnh.

b) Các Chỉ tiêu cơ bản về Chính quyền số

- Mức độ cung cấp dịch vụ số và tỷ lệ hồ sơ được xử lý trực tuyến được tăng mạnh; trên 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng với dịch vụ của cơ quan nhà nước. Thiết lập, cung cấp một số dịch vụ số mới như dịch vụ dữ liệu mở, có nhiều dịch vụ số được cung cấp bởi doanh nghiệp như bảo hiểm, ngân hàng, kho bạc, điện lực…

- Tỷ trọng người dùng Internet, người dùng điện thoại thông minh trên tổng số người sử dụng điện thoại di động, hộ gia đình có thuê bao cáp quang băng rộng cố định được tăng nhanh; chỉ tiêu người dân được danh tính số, nền tảng điện toán đám mây được triển khai vượt chỉ tiêu đề ra (30%). Nền tảng dữ liệu lớn về kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi chưa được xây dựng.

- Cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã bắt đầu tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở cho tổ chức và công dân thông qua Cổng dữ liệu mở của tỉnh (*https://opendata.quangngai.gov.vn*). Hệ thống bản đồ số được thiết lập ở cấp xã, tuy nhiên, ngoài các CSDL đã có, hệ thống dữ liệu số trong lĩnh vực nông nghiệp chưa được phát triển trong năm.

- Về phát triển các ứng dụng, dịch vụ cơ bản, có hơn 20% cơ quan nhà nước triển khai công cụ làm việc, cộng tác trên môi trường số, vượt chỉ tiêu đề ra; có hơn 30% cơ quan nhà nước triển khai công cụ báo cáo tự động trên hệ thống thông tin báo cáo tỉnh.

c) Các chỉ tiêu về bảo đảm an toàn thông tin

- Đạt và vượt chỉ tiêu về xác định cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ, vượt chỉ tiêu đề ra. Chỉ tiêu về thiết bị đầu cuối được cài đặt giải pháp bảo vệ là chưa đạt yêu cầu.

- Chỉ tiêu tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản được hoàn thành. Có 100% trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông được tuyên truyền, giáo dục kiến thức, kỹ năng cần thiết để tham gia môi trường mạng an toàn.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2022

1. Nhận thức số

a) Hoạt động Ngày Chuyển đổi số Quốc gia trên địa bàn tỉnh

- UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 15/9/2022 về tổ chức Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2022 trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức Hội thảo cấp tỉnh với chủ đề "*Chuyển đổi số - Vì cuộc sống tốt đẹp hơn*" bằng hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến tại 13 điểm cầu cấp huyện và 173 điểm cầu cấp xã.

- 100% các cơ quan, địa phương đã tổ chức nhiều sự kiện, đăng banner và tin bài về các hoạt động hưởng ứng ngày chuyển đổi số quốc gia; phát hành, phát sóng các phóng sự "*Quảng Ngãi Chuyển đổi số phát triển chính quyền điện tử*", "*Quảng Ngãi tăng tốc chuyển đổi số*".

- Tổ chức Hội thi tuyên truyền Cải cách hành chính bằng hình thức sân khấu hóa với sự tham gia của 13 huyện, thị xã, thành phố đã định hướng nội dung, kết hợp tuyên truyền về Chuyển đổi số và tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

b) Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

Chuyên trang *https://chuyendoiso.quangngai.gov.vn* thường xuyên đăng tải các sáng kiến và cách làm hay; báo cáo Tuần của Thường trực Uỷ ban Quốc gia về Chuyển đổi số được phát hành rộng rãi. Cổng thông tin điện tử tỉnh, các Cổng thành phần, Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh, Báo Quảng Ngãi đều có chuyên mục Chuyển đổi số.

c) Kênh truyền thông "Chuyển đổi số quốc gia" trên Zalo

Hơn 4.200 lượt thành viên quét mã QR quan tâm kênh Zalo Chuyển đổi số quốc gia; kênh Zalo, Fanpage của tỉnh thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ tuyên truyền về Chuyển đổi số.

2. Thể chế số

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã ban hành Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 18/5/2022 về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với Chuyển đổi số.

- UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 03 Quyết định, 14 Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 – 2025; thực hiện Đề án "Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021 - 2030" và kế hoạch khung giai đoạn 2022 – 2025; thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; thực hiện Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030", ... *(cụ thể theo Phụ lục 1 đính kèm).*

- Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh đã được kiện toàn, ban hành Kế hoạch số 04/KH-BCĐ ngày 10/4/2022 về Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2022; Thông báo số 05/TB-BCĐ ngày 25/7/2022 về phân công thành viên Ban Chỉ đạo chịu trách nhiệm và theo dõi, thúc đẩy thực hiện các chỉ số chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; tham gia đầy đủ 03 phiên họp của Uỷ ban Quốc gia về Chuyển đổi số, tổ chức 07 phiên họp Ban Chỉ

đạo; ban hành hơn 20 văn bản chỉ đạo, điều hành hoạt động Chuyển đổi số (*không bao gồm văn bản của Chủ tịch UBND tỉnh – Trưởng Ban Chỉ đạo*).

3. Hạ tầng số

Khoảng 60% dân số trưởng thành có điện thoại thông minh; 75% hộ gia đình có người có điện thoại thông minh; 75% hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng; 100% các xã, phường, thị trấn đã phủ sóng di động 2G/3G/4G; mạng truyền dẫn cáp quang tới trung tâm xã đạt 100%; trung tâm dữ liệu tỉnh đáp ứng yêu cầu triển khai các nền tảng dùng chung của tỉnh; mạng Truyền số liệu chuyên dùng đã được thiết lập đến cấp xã; công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng được chú trọng, đã triển khai hệ thống giám sát an toàn, an ninh mạng tập trung SOC.

4. Dữ liệu số

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 862/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 về Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, xác định phạm vi, nội dung và phương thức ứng dụng dữ liệu cho việc tổ chức thực hiện. Dữ liệu về tài chính, tài nguyên, địa chính, tư pháp, quản trị ngành y tế, giáo dục; dữ liệu về văn bản, quản trị hành chính, xử lý thủ tục hành chính tiếp tục được mở rộng, từng bước cung cấp thông tin cho tổ chức và công dân. Triển khai vận hành thử nghiệm Trung tâm điều hành thông minh tỉnh (Trung tâm IOC), đến nay hệ thống đã triển khai 09 phân hệ nhằm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh. Tuy nhiên, dữ liệu số của tỉnh còn phân tán nhiều nơi, việc cung cấp thông tin, dữ liệu số để cập nhật lên Trung tâm IOC chưa được thực hiện chủ động, tự động và kịp thời.

5. Nền tảng số

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022 – 2025; theo đó định hình phát triển Chính quyền số, kinh tế và xã hội số dựa trên nền tảng số.

Thực hiện Quyết định số 186/QĐ-BTTTT ngày 11/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông; UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 1446/UBND-KGVX ngày 31/3/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia trên địa bàn tỉnh; theo đó, đã phân công các cơ quan, đơn vị chủ trì theo dõi, khai thác, sử dụng 21 nền tảng số quốc gia phục vụ hoạt động quản lý nhà nước hoặc cung cấp dịch vụ công phục vụ xã hội và 15 nền tảng số quốc gia do doanh nghiệp làm chủ quản, làm chủ công nghệ lõi, cung cấp dịch vụ phục vụ nhu cầu của cơ quan, doanh nghiệp và xã hội.

6. Nhân lực số

Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh được kiện toàn do Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban; 13/13 huyện, thị xã, thành phố thành lập Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số cấp huyện để chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác chuyển đổi số trên địa bàn; thành lập 1.141 Tổ Công nghệ số cộng đồng với 7.534 thành viên, trong đó có 13/13 tổ cấp huyện, 173/173 tổ cấp xã, 954/954 tổ cấp thôn; đã tập huấn phổ

cập kỹ năng số cho hơn 4.500 thành viên; triển khai phát động phong trào về chuyển đổi số trong ngành Giáo dục với hơn 14 nghìn người tham dự.

Mặc dù các Tổ Công nghệ số đã được thành lập đầy đủ tại các cấp, tuy nhiên việc tổ chức hoạt động còn nhiều khó khăn; nguồn nhân lực để phục vụ công tác tham mưu, quản lý về chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước còn hạn chế.

7. An toàn thông tin mạng (ATTT)

- Có 03 hệ thống thông tin phê duyệt cấp độ 3 và 37/37 cấp độ 2; 100% hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo vệ theo cấp độ đã phê duyệt.

- Nền tảng giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) được thiết lập, kết nối Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC), thực hiện giám sát Trung tâm dữ liệu tỉnh, Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh. Có 25 máy chủ của cơ quan nhà nước cài đặt phòng, chống mã độc và chia sẻ thông tin với NCSC.

- Các cơ quan nhà nước ban hành đầy đủ các phương án ứng cứu xử lý sự cố tấn công mạng; tham gia 04 đợt diễn tập do Bộ, ngành tổ chức và triển khai tổ chức 01 đợt diễn tập thực chiến trên địa bàn tỉnh.

8. Phát triển chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số

- Cổng thông tin điện tử, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật; công chức viên chức, tổ chức và công dân có thể sử dụng các kênh số khác bên ngoài để khai thác.

- Có 07 hệ thống thông tin, ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP). Một số cơ sở dữ liệu cung cấp dịch vụ dữ liệu trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP).

- Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến đạt mức cao, tỷ lệ tài khoản của người dân, doanh nghiệp có sử dụng DVCTT trong năm tăng cao.

- Hệ thống thông tin một cửa tỉnh kết nối với Cổng DVC trực tuyến quốc gia, kết nối 07 CSDL quốc gia, bộ ngành. Trung tâm IOC thực hiện chức năng giám sát, cung cấp thông tin về các mặt phục vụ công tác quản lý nhà nước.

- Hệ thống HNTH tỉnh đã kết nối 04 cấp chính quyền và đến 100% cơ quan cấp xã. Có 05/13 cơ quan hành chính cấp huyện có thiết bị HNTH đến cấp xã, cùng với 05 hệ thống cấp sở kết nối vào Hệ thống tỉnh, đồng thời sử dụng các nền tảng do doanh nghiệp cung cấp, cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai đến cấp xã trong toàn tỉnh.

9. Kinh tế số

- Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP toàn tỉnh có mức cao so với các tỉnh đồng bằng duyên hải miền trung; số lượng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông đáp ứng nhu cầu truyền dẫn; số điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối internet cơ bản đáp ứng.

- Doanh nghiệp hoạt động dựa trên nền tảng số còn hạn chế và chủ yếu là khai thác các nền tảng số của các tổ chức kinh tế khác. Thông qua các hoạt động

tuyên truyền, hội nghị, hội thảo trong năm, số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận thông tin về chương trình SMEdx tăng cao.

- Tỷ lệ doanh nghiệp tham gia các sàn giao dịch điện tử tăng mạnh trong năm, 100% doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử và tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử tăng cao.

Tuy nhiên, số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số, sử dụng hợp đồng điện tử còn hạn chế; số lượng doanh nghiệp tham gia chương trình SMEdx, giao dịch trên sàn thương mại điện tử Vỏ sò và Postmart còn chưa cao; nhiều hoạt động về kinh tế số chưa được xác định, đo lường.

10. Xã hội số

- Số lượng người dân có danh tính số/tài khoản định danh điện tử tăng mạnh nhờ sự nỗ lực triển khai Đề án 06; số người dân có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức hợp pháp khác và số lượng hộ gia đình có địa chỉ số có tỷ lệ khá cao so với mức trung bình so với các tỉnh trong khu vực.

- Tỷ lệ người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông tăng mạnh trong năm nhờ sự nỗ lực của các cơ quan ban ngành và địa phương trong tỉnh thông qua các hoạt động truyền thông, các hội nghị, hội thảo.

Tuy nhiên, số lượng dân số ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký số, chữ ký điện tử cá nhân chưa cao do nhu cầu giao dịch; mức độ người dân tham gia cùng cơ quan nhà nước giải quyết vấn đề của địa phương thông qua môi trường mạng còn hạn chế.

11. Kinh phí thực hiện

Kinh phí cho các nhiệm vụ, dự án phát triển Chính quyền số và Chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước năm 2022 ước tính khoảng 100 tỷ đồng.

Phần II
NỘI DUNG KẾ HOẠCH NĂM 2023

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc CMCN lần thứ tư;

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;

- Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Chuyển đổi số quốc gia;

- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

- Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13/10/2022 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh triển khai các hoạt động ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng Việt Nam;

- Chỉ thị số 60/CT-BTTTT ngày 16/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành về tổ chức triển khai diễn tập thực chiến bảo đảm an toàn thông tin mạng;

- Công văn số 5406/BTTTT-CĐSQG ngày 03/11/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2023;

- Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 09/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Triển khai thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (*triển khai Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ*);

- Kế hoạch số 169/KH-UBND ngày 09/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về Phát triển Chính quyền điện tử hướng đến Chính quyền số tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (*triển khai Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ*);

- Quyết định số 2126/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Ngãi, phiên bản 2.0;

- Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 28/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thực hiện Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" (*triển khai Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ*);

- Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025 (*triển khai Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ*);

- Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 09/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị, địa phương (*triển khai Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ*);

- Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 24/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thực hiện Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 03/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Lưu trữ tài liệu điện tử của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2020 - 2025";

- Kế hoạch số 166/KH-UBND ngày 17/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

II. MỤC TIÊU

1. Hoàn thành các chỉ tiêu về phát triển Chính quyền điện tử

- *Về dịch vụ công trực tuyến* (DVCTT): 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp ở mức độ dịch vụ công trực tuyến toàn trình; 100% Dịch vụ công trực tuyến được cung cấp có phát sinh hồ sơ.

- *Về phát triển hạ tầng, nền tảng*: Có trên 70% người dùng điện thoại thông minh trên tổng số người sử dụng điện thoại di động; có 60% hộ gia đình ở khu vực phường, thị trấn, 10% hộ gia đình ở khu vực dân cư còn lại có thuê bao cáp quang băng rộng; tất cả cơ quan chính quyền các cấp được kết nối vào Mạng Truyền số liệu chuyên dùng.

- *Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh:* Kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia; Nền tảng giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) tỉnh được mở rộng phạm vi hoạt động, thường xuyên cung cấp thông tin với Nền tảng giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng quốc gia.

- *Về phát triển dữ liệu*: Có 236 thủ tục hành chính (TTHC) có kết nối khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư. Các Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, đăng ký doanh nghiệp, bảo hiểm, tài chính được kết nối, khai thác, mở dữ liệu và tạo nguồn dữ liệu để phục vụ khai thác; dữ liệu về hồ sơ sức khỏe điện tử, thông tin về học sinh phổ thông tiếp tục được hoàn thiện; dữ liệu đăng ký kinh doanh cơ bản được số hóa; tài liệu lưu trữ, kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực được tiến hành số hóa.

- *Về phát triển các ứng dụng, dịch vụ cơ bản*: Triển khai Hệ thống hội nghị truyền hình cấp huyện và các sở, ngành; mô hình họp không giấy. Văn bản được tạo lập và xử lý trên môi trường mạng, đối với cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện đạt tỷ lệ 100% và đạt tỷ lệ 70% đối với cơ quan cấp xã; văn bản phát hành được ký số, đạt tỷ lệ tối thiểu 90% đối với cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện, 60% đối với cơ quan cấp xã. Cổng DVCTT và hệ thống Một cửa điện tử có kết nối để chia sẻ dữ liệu với tất cả các phân hệ nghiệp vụ của các sở, ban, ngành, UBND các cấp. Trang thông tin điện tử thành phần của 100% cơ quan chính quyền cấp xã được triển khai, cung cấp thông tin.

2. Hoàn thành các chỉ tiêu cơ bản về Chính quyền số

- *Về cung cấp dịch vụ số*: Tăng tỷ lệ hồ sơ được xử lý trực tuyến; trên 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng với dịch vụ của cơ quan nhà nước. Thiết lập, cung cấp một số dịch vụ số mới, trong đó có dịch vụ số được cung cấp bởi doanh nghiệp hoặc tổ chức ngoài nhà nước.

- *Về phát triển hạ tầng, nền tảng*: Tăng tỷ trọng người dùng Internet, người dùng điện thoại thông minh, hộ gia đình có thuê bao cáp quang băng rộng cố định. Nền tảng điện toán đám mây được triển khai đạt tỷ lệ 60%.

- *Về phát triển dữ liệu*: Cơ quan nhà nước các cấp tham gia cung cấp dữ liệu mở trên Cổng dữ liệu mở tỉnh. Có 5% số xã thiết lập hệ thống bản đồ số, hệ thống dữ liệu số trong lĩnh vực nông nghiệp. Có 50% thông tin về nhu cầu tuyển dụng và nhu cầu tìm việc được giao dịch trên Internet.

- *Về phát triển các ứng dụng, dịch vụ cơ bản*: có 20% cơ quan nhà nước triển khai công cụ làm việc, cộng tác trên môi trường số; có 100% cơ quan nhà nước cấp tỉnh, huyện triển khai công cụ báo cáo tự động theo yêu cầu trên hệ thống thông tin báo cáo tỉnh.

- Phấn đấu chỉ số chính quyền số đạt thứ hạng trung bình của cả nước trong bảng xếp hạng DTI.

3. Phát triển Kinh tế số

- 100% doanh nghiệp nộp thuế điện tử; thí điểm và thực hiện đo lường việc sử dụng hợp đồng điện tử, mức độ sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 5%; 20% doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số, 100% được tiếp cận thông tin và 10% tham gia chương trình SMEdx.

- Phấn đấu tỷ trọng kinh tế số trong GRDP tăng 5% so với năm 2022 và chỉ số kinh tế số đạt thứ hạng trung bình của cả nước trong bảng xếp hạng DTI.

4. Phát triển xã hội số

- Hoàn thành khối lượng người dân có danh tính số/tài khoản định danh điện tử; 60% dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán; 100% hộ gia đình có địa chỉ số; 60% người dân biết, tham gia sử dụng dữ liệu do cơ quan nhà nước cung cấp trên môi trường số.

- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 70%, Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 10%.

- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 50%.

- Phấn đấu chỉ số xã hội số đạt thứ hạng trung bình của cả nước trong bảng xếp hạng DTI.

5. Về bảo đảm an toàn thông tin

- Duy trì chỉ tiêu 100% hệ thống thông tin được xác định cấp độ và được triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.

- Mở rộng phạm vi giám sát đối với SOC tỉnh; thiết bị đầu cuối được cài đặt giải pháp bảo vệ đạt tối thiểu khoảng 20% *(khoảng 5.000 máy tính)*.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của các cơ quan thuộc tỉnh được tuyên truyền, phổ biến về thói quen, trách nhiệm và đào tạo kỹ năng cơ bản về bảo đảm an toàn thông tin.

- 100% trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các cơ sở bảo vệ, nuôi dưỡng trẻ em được tuyên truyền, giáo dục kiến thức, kỹ năng cần thiết cho trẻ em để tham gia môi trường mạng an toàn.

III. NHIỆM VỤ

1. Nhận thức số

a) Ngày Chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh

Triển khai Tuần lễ Chuyển đổi số năm 2023 bằng nhiều hoạt động tuyên truyền, hội nghị, hội thảo theo các chuyên đề và đặt biệt tổ chức hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng đi vào thực tế cuộc sống.

b) Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

- Khai thác, chia sẻ cập nhật Cẩm nang chuyển đổi số tại địa chỉ: https://dx.mic.gov.vn; chia sẻ bài học, kinh nghiệm chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương tại địa chỉ: https://t63.mic.gov.vn; danh sách các bài toán chuyển đổi số để các bộ, ngành, địa phương tham khảo tại địa chỉ: https://c63.mic.gov.vn.

- Phát huy hoạt động của Chuyên trang, chuyên mục về Chuyển đổi số để tăng cường phát hiện, chia sẻ các bài toán, sáng kiến, cách làm về Chuyển đổi số;

- Cơ quan nhà nước chủ động phát hiện, tìm kiếm những sáng kiến, cách làm, mô hình điển hình về Chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, người dân ở chính ngay trên địa bàn để tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng.

c) Truyền thông chuyển đổi số trên các nền tảng số

- Cán bộ, công chức, viên chức và người dân tham gia vào kênh truyền thông "Chuyển đổi số quốc gia" để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác.

- Phát huy tính chủ động và đặc thù địa phương trên kênh Chuyển đổi số của tỉnh để mở rộng sức ảnh hưởng, cung cấp thông tin và kỹ năng số cho cộng đồng; tổ chức truyền thông trên Zalo, Fanpage, website để phục vụ người dân, doanh nghiệp.

2. Thể chế số

- Tham mưu Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét ban hành Nghị quyết về Chuyển đổi số.

- Xây dựng Kế hoạch triển khai tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin; xây dựng các đề án, kế hoạch về phát triển hạ tầng số để phát triển chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số gắn với phát triển đô thị thông minh, y tế thông minh, giáo dục thông minh, du lịch thông minh.

- Ban hành về Quy chế thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử tỉnh (bổ sung, sửa đổi), hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật phục vụ kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số giữa các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh.

- Ban hành Quy chế quản lý, vận hành các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu cấp tỉnh; rà soát, cập nhật các quy chế, quy định về bảo đảm an toàn thông tin trong hoạt động của tỉnh và tại từng địa phương, ngành, cơ quan.

- Ban hành chính sách khuyến khích về sử dụng chữ ký số và sử dụng hợp đồng điện tử, chính sách phát triển doanh nghiệp công nghệ số.

- Ban hành Kiến trúc ICT về đô thị thông minh; ban hành quy định về đo lường, đánh giá, công bố xếp hạng mức độ chuyển đổi số đối với các cơ quan, tổ chức thuộc tỉnh; thực hiện đo lường chỉ số KPI phát triển Đô thị thông minh.

- Ban hành chính sách tỷ lệ chi ngân sách nhà nước tối thiểu hằng năm cho chuyển đổi số; chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số; chính sách khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.

phát triển đô thị thông minh, y tế thông minh, giáo dục thông minh, du lịch thông minh.

- Ban hành về Quy chế thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử tỉnh (bổ sung, sửa đổi), hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật phục vụ kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số giữa các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh.

- Ban hành Quy chế quản lý, vận hành các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu cấp tỉnh; rà soát, cập nhật các quy chế, quy định về bảo đảm an toàn thông tin trong hoạt động của tỉnh và tại từng địa phương, ngành, cơ quan.

- Ban hành chính sách khuyến khích về sử dụng chữ ký số và sử dụng hợp đồng điện tử, chính sách phát triển doanh nghiệp công nghệ số.

- Ban hành Kiến trúc ICT về đô thị thông minh; ban hành quy định về đo lường, đánh giá, công bố xếp hạng mức độ chuyển đổi số đối với các cơ quan, tổ chức thuộc tỉnh; thực hiện đo lường chỉ số KPI phát triển Đô thị thông minh.

- Ban hành chính sách tỷ lệ chi ngân sách nhà nước tối thiểu hằng năm cho chuyển đổi số; chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số; chính sách khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.

3. Hạ tầng số

a) Quy hoạch, phân bổ dải địa chỉ IPv6 và từng bước thực hiện chuyển đổi; phát triển hạ tầng số tới cấp xã, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành; trong đó, ưu tiên xây dựng, sử dụng hạ tầng số dùng chung trên cơ sở xác định đúng, đủ nhu cầu (*máy tính; mạng LAN, kết nối Internet, kết nối WAN; Trung tâm dữ liệu; ứng dụng điện toán đám mây; kho dữ liệu, lưu trữ tập trung; chữ ký số; Mạng truyền số liệu chuyên dùng; hạ tầng IoT;...*).

b) Triển khai sử dụng hoặc dịch chuyển lên nền tảng điện toán đám mây, trong đó đặc biệt chú trọng tới việc rà soát, đánh giá, bảo đảm Trung tâm dữ liệu và nền tảng, dịch vụ điện toán đám mây phục vụ chính quyền số tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

c) Đẩy nhanh tốc độ phủ mạng cáp quang, mạng di động băng rộng đến tất cả khu vực dân sinh; tăng nhanh tỷ lệ dân số trưởng thành, hộ gia đình có người có điện thoại thông minh, gia đình có kết nối Internet; tăng nhanh tỷ lệ người dùng Internet; nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng, phủ sóng các vùng trắng, vùng lõm về kết nối mạng băng thông rộng.

d) Phát triển ứng dụng trên nền tảng Trung tâm điều hành thông minh (IOC) cấp tỉnh, thiết lập mới một số Trung tâm điều hành thông minh cấp huyện. Phát triển nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động cho phép người dân và doanh nghiệp có thể định danh trên không gian số và sử dụng mọi dịch vụ, tiện ích trong Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số mọi lúc, mọi nơi.

đ) Từng bước phát triển hệ thống truyền thanh theo hướng có ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông; thực hiện truyền thanh số, truyền thanh IP, phát thanh chủ động theo vùng, miền.

e) Phát triển hệ thống giám sát, điều hành đô thị thông minh của tỉnh hướng đến kết nối, cung cấp các dịch vụ, tiện ích như: giám sát điều hành giao thông và an ninh trật tự; giám sát thông tin trên môi trường mạng; giám sát an toàn thông tin về Y tế, Du lịch và Giáo dục thông minh.

4. Dữ liệu số

a) Triển khai Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp cấp tỉnh nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu về phát triển kinh tế - xã hội từ các nguồn khác nhau, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ Chính quyền số, hướng tới việc hình thành kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.

c) Kết nối, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP), Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP); khai thác triệt để thông tin, dữ liệu đã có từ các cơ sở dữ liệu quốc gia; bảo đảm việc kết nối, chia sẻ dữ liệu tuân thủ theo Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh, Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

d) Triển khai hiệu quả công tác số hoá tài liệu lưu trữ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực, hồ sơ trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; triển khai cung cấp DVCTT theo hướng toàn trình trong phạm vi quản lý của mình theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022.

đ) Phát triển dữ liệu số của cơ quan trong đó ưu tiên xây dựng, sử dụng các cơ sở dữ liệu dùng chung, các cơ sở dữ liệu quốc gia, bộ ngành. Thực hiện kết nối, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước, tạo dữ liệu mở để tạo điều kiện phát triển kinh tế số, xã hội số.

5. Nền tảng số

a) Chú trọng triển khai các nền tảng số cơ bản theo Công văn số 1446/UBND-KGVX ngày 31/3/2022, Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 11/7/2022; lựa chọn triển khai các nền tảng số khác phù hợp nhu cầu và hiện trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong tỉnh.

b) Khai thác các nền tảng số để các cơ quan nhà nước quản lý, điều hành nghiệp vụ chuyên ngành dựa trên dữ liệu, đồng bộ, thông suốt từ trung ương đến địa phương.

6. Nhân lực số

a) Tăng cường hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số cấp tỉnh, huyện; triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng, tập trung phổ cập người dân sử dụng DVCTT, các sàn thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, sử dụng các dịch vụ số thiết yếu và kỹ năng tương tác an toàn trên môi trường số.

b) Bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý về Chuyển đổi số để thực hiện nhiệm vụ, đặc biệt chú trọng tới bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu để ra quyết định và hoạch định chính sách.

c) Phổ biến, chia sẻ kinh nghiệm về nội dung, mô hình chuyển đổi số; chủ động triển khai sáng kiến mới. Thường xuyên khai thác Cẩm nang Chuyển đổi số tại *dx.mic.gov.vn*; liên tục chia sẻ bài học, kinh nghiệm Chuyển đổi số tại *t63.mic.gov.vn*; tham khảo các bài toán Chuyển đổi số tại *c63.mic.gov.vn*

d) Đầu tư, nâng cao tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông thực hiện Chuyển đổi số, khuyến khích các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp thực hiện Chuyển đổi số (*mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở*).

đ) Tổ chức triển khai hiệu quả, có ý nghĩa thiết thực các hoạt động, sự kiện hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2023.

7. An toàn thông tin mạng

a) Bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ

Hoàn thành phân loại, xác định, phê duyệt đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin và phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ. Triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

b) Nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng

Tổ chức phổ biến, quán triệt hai nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng: (a) Hệ thống chưa kết luận bảo đảm an toàn thông tin mạng thì chưa đưa vào sử dụng (b) Hệ thống thử nghiệm, có dữ liệu thật thì phải tuân thủ đầy đủ quy định như hệ thống chính thức.

c) Trang thiết bị, giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng

- Đầu tư về trang thiết bị, giải pháp kỹ thuật, nhân lực vận hành an toàn thông tin, triển khai các giải pháp phòng, chống mã độc tập trung.

- Mở rộng phạm vi, quy mô giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC), tăng số lượng hệ thống thông tin được giám sát trực tiếp và kết nối chia sẻ dữ liệu với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC).

- Tổ chức triển khai đầy đủ các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng; phần mềm nội bộ phải tuân thủ theo quy trình Khung phát triển phần mềm an toàn; hệ thống thông tin được quản lý, vận hành theo mô hình 4 lớp.

d) Kế hoạch nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân.

- Xây dựng và triển khai Kế hoạch kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin đối với các đơn vị trực thuộc theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ và Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức đào tạo hoặc cử nhân sự chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin/công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin.

- Triển khai phương án về ứng phó sự cố, các hoạt động của đội ứng cứu sự cố; tham gia hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia. Tổ chức tối thiểu 01 cuộc diễn tập thực chiến bảo đảm an toàn thông tin mạng.

- Rà soát đánh giá thường xuyên nhằm nâng cao tỷ lệ chi cho bảo đảm an toàn thông tin.

8. Chính quyền số

- Tiếp tục nâng cao, mở rộng việc triển khai DVCTT, nâng tỷ lệ tài khoản và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về sử dụng Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- Phát triển Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh, từng bước tự động hóa công tác thống kê, báo cáo phục vụ chỉ đạo, điều hành, hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu; kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- Triển khai mô hình làm việc từ xa theo hướng tiếp tục phát triển hệ thống HNTH kết hợp các mô hình thuê dịch vụ nhằm cá nhân hóa và đa dạng hóa hình thức làm việc; bảo đảm kế thừa, kết nối với các hệ thống thông tin.

- Triển khai Trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người dân và học sinh nhằm nâng cao hiệu quả và năng suất lao động, học tập.

- Nâng cao hàm lượng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động của chính quyền số, tạo tiền đề để phát triển các dịch vụ thông minh một cách phù hợp; ưu tiên phát triển trước các dịch vụ giải quyết các vấn đề bức thiết của xã hội.

- Phát triển các ứng dụng, dịch vụ chuyên ngành phục vụ nội bộ, tuân thủ Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh nhằm đáp ứng khả năng và kết nối, chia sẻ dữ liệu, chú trọng yêu cầu kết nối để giám sát phục vụ công tác quản lý nhà nước; tập trung triển khai các ứng dụng phục vụ người dân.

- Chủ động phối hợp với các bộ, ngành để lựa chọn và phát triển ứng dụng, dịch vụ một cách phù hợp để tiết kiệm chi phí, thời gian triển khai. Dữ liệu được hình thành từ các ứng dụng, dịch vụ dùng chung được chia sẻ khi có nhu cầu.

- Tiếp tục ứng dụng các công nghệ số mới như điện toán đám mây (Cloud Computing), di động (Mobility), Internet vạn vật (IoT), mạng xã hội,... trong xây dựng, triển khai các ứng dụng, dịch vụ. Từng bước thiết lập hạ tầng dữ liệu lớn (Big Data) để cung cấp dịch vụ số.

- Triển khai đo lường, đánh giá về Chính quyền số.

9. Kinh tế số

- Đẩy mạnh công tác truyền thông về Chuyển đổi số trong doanh nghiệp bằng nhiều hình thức (trên các phương tiện thông tin đại chúng, truyền thanh cơ sở, mạng xã hội, các hoạt động hội nghị hội thảo).

- Đẩy mạnh việc ứng dụng chữ ký số trong cơ quan nhà nước, thúc đẩy sử dụng Hợp đồng điện tử giữa cơ quan nhà nước với các tổ chức kinh tế, cá nhân nhằm tạo môi trường thúc đẩy doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử.

- Tiếp tục tổ chức triển khai hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn theo hướng dẫn tại Quyết định số 1034/QĐ-BTTTT ngày 21/7/2021 và Quyết định số 350/QĐ-BTTTT ngày 24/02/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Triển khai Chương trình đánh giá xác định chỉ số mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp Chuyển đổi số theo Nghị định 80/2021/NĐ-CP, Thông tư 06/2022/TT-BKHĐT, Quyết định số 1970/QĐ-BTTTT ngày 13/12/2021, Quyết định số 377/QĐ-BTTTT ngày 26/3/2022.

10. Xã hội số

- Tăng nhanh số lượng người dân có danh tính số/tài khoản định danh điện tử, có tài khoản giao dịch tại ngân hàng/tổ chức hợp pháp, có chữ ký số/ chữ ký điện tử cá nhân, hộ gia đình có địa chỉ số. Tạo thuận lợi để người dân tham gia vào cùng cơ quan nhà nước giải quyết vấn đề của địa phương.

- Hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục, bệnh viện, cơ sở y tế theo các chỉ tiêu, tiêu chí theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Phát triển các DVCTT dựa trên nhu cầu người dân và theo các sự kiện trong cuộc đời, người dân chỉ cung cấp thông tin một lần, tận dụng sức mạnh của công nghệ để phát triển các dịch vụ số mới, đồng thời cắt giảm một số dịch vụ không cần thiết.

IV. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Tăng cường công tác nâng cao nhận thức cộng đồng bằng việc phát huy hệ thống truyền thông cơ sở; tăng cường vai trò của Tổ Công nghệ số cộng đồng; triển khai có hiệu quả Tổng đài AI hỗ trợ người dân, doanh nghiệp.

- Tổ chức đào tạo kỹ năng số trong các bậc học phổ thông; chọn lựa, sử dụng các nền tảng đào tạo kỹ năng số phù hợp người dân; thiết lập, phổ biến các nền tảng, kênh tương tác giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp.

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

- Huy động sự vào cuộc của các doanh nghiệp bằng các hình thức thuê dịch vụ, nhất là các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ công nghệ số trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công thông qua mạng bưu chính công cộng, mạng xã hội, ứng dụng của doanh nghiệp; tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số.

- Tăng cường hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm với một số tỉnh/thành phố về cơ chế, chính sách, mô hình phát triển chuyển đổi số; học tập, chia sẻ kinh nghiệm, tham gia các hội thảo.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Nguồn chi đầu tư phát triển: Thực hiện theo kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm.

- Nguồn chi thường xuyên: Dự kiến bố trí **132.897,5 triệu đồng**; trong đó, ngân sách cấp tỉnh là 106.247,5, ngân sách cấp huyện là 26.650 triệu đồng.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố

a) Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện trách nhiệm của Người đứng đầu, chịu trách nhiệm tổ chức triển khai nhiệm vụ được giao tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

b) Chủ động điều chỉnh các quy định về quan hệ phối hợp, các quy trình hành chính phù hợp với việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tại Kế hoạch này phù hợp với tình hình thực tế tại cơ quan, đơn vị, ngành, địa phương.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Tăng cường công tác tham mưu về hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh, hướng dẫn nội dung hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng.

b) Chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan trong việc chuẩn xác hóa nội dung đề xuất của các cơ quan, đơn vị, tham mưu việc bố trí thời điểm thực hiện đảm bảo hợp lý, đồng bộ trong việc thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch.

c) Hướng dẫn, làm đầu mối triển khai; theo dõi, kiểm tra, thực hiện chế độ thông tin báo cáo về triển khai Kế hoạch đối với UBND tỉnh và Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Sở Nội vụ

a) Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông trong việc xây dựng, triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kỹ năng ứng dụng CNTT của cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với nhu cầu triển khai Kế hoạch.

b) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông trong việc tham mưu điều chỉnh phương thức phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, các quy trình hành chính phù hợp với lộ trình triển khai Kế hoạch.

4. Văn phòng UBND tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn các ngành, địa phương thực hiện chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, cải cách chế độ báo cáo trong các cơ quan hành chính nhà nước.

b) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong việc tổ chức đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện Kế hoạch này.

5. Sở Tài chính

a) Trên cơ sở dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch và khả năng cân đối ngân sách, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Hướng dẫn UBND cấp huyện về công tác bố trí kinh phí để đảm bảo khả năng thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch, đảm bảo nhu cầu triển khai Chuyển đổi số tại địa phương theo mục tiêu Kế hoạch.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu cho UBND tỉnh bố trí nguồn chi đầu tư phát triển cho các nhiệm vụ, dự án đã được cấp thẩm quyền của tỉnh chấp thuận; kịp thời thông tin đến Sở Thông tin và Truyền thông về nội dung ứng dụng công nghệ thông tin tại các dự án trong lĩnh vực khác để phục vụ công tác tham mưu chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Khoa học và Công nghệ

Ưu tiên kinh phí triển khai các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông có liên quan đến nội dung triển khai Kế hoạch.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch, nếu có phát sinh vướng mắc hoặc cần phải điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn, các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan kịp thời báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh *(thông qua Sở Thông tin và Truyền thông)* để xem xét, chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP(VX), KTTH, KTN, NC, TTPVKSTTHC, CBTH;
- Lưu: VT, KGVX.n525

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Đặng Văn Minh

Phụ lục 1

Danh sách các văn bản của tỉnh Quảng Ngãi về Chuyển đổi số trong năm 2022

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 189/KH-UBND ngày 08/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 18/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

2. Quyết định số 862/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Quảng Ngãi.

3. Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022 - 2025.

4. Quyết định số 1206/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của UBND tỉnh về việc bổ sung thành viên Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi.

5. Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 17/02/2022 của UBND tỉnh về Triển khai thực hiện Quyết định số 1968/QĐ-TTg ngày 22/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021 - 2030" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và kế hoạch khung giai đoạn 2022 - 2025.

6. Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 12/3/2022 của UBND tỉnh về Triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

7. Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 28/4/2022 của UBND tỉnh về Thực hiện Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

8. Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 15/6/2002 của UBND tỉnh về Hỗ trợ, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025.

9. Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 20/6/2022 của UBND tỉnh về Phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

10. Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 23/6/2022 của UBND tỉnh về Triển khai thực hiện Quyết định số 1907/QĐ-TTg ngày 23/11/2020 và Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 06/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

11. Kế hoạch số 117/KH-UBND ngày 27/7/2022 về Bổ sung nhiệm vụ phát triển chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số và chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2022.

12. Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 02/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về Truyền thông về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022-2025.

13. Kế hoạch số 127/KH-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về triển khai phát động phong trào dịp hè năm 2022 trong ngành Giáo dục và Đào tạo về chuyển đổi số.

14. Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 31/8/2022 của UBND tỉnh về thúc đẩy triển khai sử dụng nền tảng Bản đồ số quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

15. Kế hoạch số 144/KH-UBND ngày 13/9/2022 của UBND tỉnh về Triển khai thực hiện Đề án Phát triển thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

16. Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 15/9/2022 của UBND tỉnh về Tổ chức Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

17. Kế hoạch số 166/KH-UBND ngày 15/9/2022 của UBND tỉnh về Tăng cường đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

18. Kế hoạch số 187/KH-UBND ngày 08/12/2022 của UBND tỉnh về việc ứng dụng công nghệ điện toán đám mây giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

19. Kế hoạch số 04/KH-BCĐ ngày 10/4/2022 của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh về Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2022.

Phụ lục 2

DANH MỤC NHIỆM VỤ VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 189/KH-UBND ngày 09/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	**Nhận thức số**		
1.1	Tổ chức triển khai Tuần lễ Chuyển đổi số năm 2023	Sở TT&TT	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện;
1.2	Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện;	
1.3	Truyền thông chuyển đổi số trên các nền tảng số	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện;	
2	**Thể chế số**		
2.1	Tham mưu Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét ban hành Nghị quyết về Chuyển đổi số	Sở TT&TT	
2.2	Xây dựng Kế hoạch triển khai tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin	Sở TT&TT	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện;
2.3	Xây dựng các đề án, kế hoạch về phát triển hạ tầng số để phát triển chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện;	
2.4	Quy chế thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	
2.5	Hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật phục vụ kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số giữa các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh	Sở TT&TT	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện;
2.6	Ban hành Quy chế quản lý, vận hành các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu cấp tỉnh; rà	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện;	Sở TT&TT

	soát, cập nhật các quy chế, quy định về bảo đảm an toàn thông tin trong hoạt động của tỉnh và tại từng địa phương, ngành, cơ quan.		
2.7	Ban hành văn bản khuyến khích về sử dụng chữ ký số và sử dụng hợp đồng điện tử, chính sách phát triển doanh nghiệp công nghệ số.	Sở TT&TT	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện;
2.8	Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kiến trúc ICT về đô thị thông minh	Sở Xây dựng	Sở TT&TT
2.9	Tham mưu UBND tỉnh ban hành quy định về đo lường, đánh giá, công bố xếp hạng mức độ chuyển đổi số đối với các cơ quan, tổ chức thuộc tỉnh	Sở TT&TT	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện;
2.10	Xây dựng và thực hiện đo lường chỉ số KPI phát triển Đô thị thông minh	Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện;
2.11	Tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành chính sách tỷ lệ chi ngân sách nhà nước tối thiểu hằng năm cho chuyển đổi số	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện;
2.12	Tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số	Sở TT&TT	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện;
2.13	Tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.	Sở TT&TT	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện;
3	**Hạ tầng số**		
3.1	Tham mưu việc ban hành quy hoạch, phân bổ dải địa chỉ IPv6 và từng bước thực hiện chuyển đổi	Sở TT&TT	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện;
3.2	Phát triển hạ tầng số tới cấp xã, đơn vị trực thuộc các sở, ban,	Các Sở, ban, ngành tỉnh;	

	ngành	UBND cấp huyện;	
3.3	Xây dựng, triển khai sử dụng hạ tầng số dùng chung	Sở TT&TT	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện;
3.4	Tiếp tục tham mưu triển khai sử dụng hoặc dịch chuyển lên nền tảng điện toán đám mây theo Kế hoạch đã ban hành	Sở TT&TT	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện;
3.5	Đôn đốc, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp viễn thông đẩy nhanh tốc độ phủ mạng cáp quang, mạng di động băng rộng đến tất cả khu vực dân sinh	UBND cấp huyện, cấp xã	Sở TT&TT, các DN viễn thông
3.6	Nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng, phủ sóng các vùng trắng, vùng lõm về kết nối mạng băng thông rộng	Sở TT&TT	UBND cấp huyện, cấp xã
3.7	Phát triển các ứng dụng trên nền tảng Trung tâm điều hành thông minh (IOC) cấp tỉnh	Sở TT&TT	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện;
3.8	Thiết lập mới một số Trung tâm điều hành thông minh cấp huyện	UBND cấp huyện;	
3.9	Phát triển ứng dụng về hoạt động ngành trên thiết bị di động phục vụ người dân và doanh nghiệp	Các Sở, ban, ngành tỉnh	Sở TT&TT
3.10	Phát triển hệ thống truyền thanh theo hướng có ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông; thực hiện truyền thanh số, truyền thanh IP, phát thanh chủ động theo vùng, miền.	Sở TT&TT	UBND cấp huyện; cấp xã
3.11	Phát triển hệ thống giám sát, điều hành đô thị thông minh của tỉnh	Sở TT&TT	Công an tỉnh, các Sở: GTVT, Y tế, GD và ĐT, VH-TT&DL; Sở Xây dựng
4	**Dữ liệu số**		

4.1	Triển khai Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp cấp tỉnh	Sở TT&TT	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện;
4.2	Vận hành Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP), kết nối Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP)	Sở TT&TT	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện;
4.3	Khai thác triệt để thông tin, dữ liệu đã có từ các cơ sở dữ liệu quốc gia	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện;	Sở TT&TT
4.4	Triển khai công tác số hoá tài liệu lưu trữ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực,	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện;	
4.5	Số hóa hồ sơ trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính	Bộ phận Một cửa các cấp	
4.6	Triển khai cung cấp DVCTT theo hướng toàn trình trong phạm vi quản lý của mình	Sở TT&TT, Văn phòng UBND tỉnh	
4.7	Phát triển dữ liệu số của cơ quan	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện;	
4.8	Tạo dữ liệu mở để tạo điều kiện phát triển kinh tế số, xã hội số	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; cấp xã	
5	**Nền tảng số**		
5.1	Triển khai các nền tảng số cơ bản theo Công văn số 1446/UBND-KGVX ngày 31/3/2022, Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 11/7/2022	Các đơn vị được giao nhiệm vụ	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; Sở TT&TT
5.2	Lựa chọn triển khai các nền tảng số phù hợp nhu cầu và hiện trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong tỉnh	Các Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Sở TT&TT
5.3	Khai thác các nền tảng số để các cơ quan nhà nước quản lý, điều hành nghiệp vụ chuyên ngành dựa trên dữ liệu, đồng bộ, thông suốt từ trung ương đến địa phương	Các Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Sở TT&TT

6	**Nhân lực số**		
6.1	Tăng cường hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số cấp tỉnh, huyện	Sở TT&TT, UBND cấp huyện	Các Sở, ban, ngành tỉnh
6.1	Triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng	Sở TT&TT, UBND cấp huyện, Tỉnh đoàn	
6.2	Bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý về Chuyển đổi số	Sở Nội vụ	
6.3	Phổ biến, chia sẻ kinh nghiệm về nội dung, mô hình chuyển đổi số; chủ động triển khai sáng kiến mới	Các Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Sở TT&TT, các Tổ Công nghệ số cộng đồng
6.4	Đầu tư, nâng cao tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông thực hiện Chuyển đổi số	Sở Giáo dục và Đào tạo	
6.5	Các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp thực hiện Chuyển đổi số	Các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh	
6.6	Tổ chức triển khai hiệu quả, có ý nghĩa thiết thực các hoạt động, sự kiện hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2023	Sở TT&TT,	Các Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện
7	**An toàn thông tin mạng**		
7.1	Hoàn thành phân loại, xác định, phê duyệt đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin và phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ	Sở TT&TT	Các Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện
7.2	Đảm bảo nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng	Sở TT&TT	Các Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện
7.3	Đầu tư về trang thiết bị, giải pháp kỹ thuật, nhân lực vận hành an toàn thông tin	Các Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	
7.4	Triển khai các giải pháp phòng, chống mã độc tập trung	Sở TT&TT	Các Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện

7.5	Vận hành, mở rộng phạm vi hoạt động của Hệ thống SOC tỉnh	Sở TT&TT	Các Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện
7.6	Triển khai đầy đủ các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng; tuân thủ Khung phát triển phần mềm an toàn; quản lý, vận hành theo mô hình 4 lớp	Sở TT&TT	Các Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện
7.7	Xây dựng, triển khai kế hoạch tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin	Sở TT&TT	Các Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện
7.8	Xây dựng và triển khai Kế hoạch kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin	Sở TT&TT	Các Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện
7.9	Tổ chức đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin.	Sở TT&TT	Các Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện
7.10	Triển khai phương án về ứng phó sự cố, các hoạt động của đội ứng cứu sự cố; tham gia hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia	Sở TT&TT	Các Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện
7.11	Tổ chức cuộc diễn tập thực chiến bảo đảm an toàn thông tin mạng	Sở TT&TT	
7.12	Rà soát đánh giá thường xuyên nhằm nâng cao tỷ lệ chi cho bảo đảm an toàn thông tin.	Sở TT&TT	Sở Tài chính
8	**Chính quyền số**		
8.1	Tiếp tục nâng cao, mở rộng việc triển khai DVCTT, nâng tỷ lệ tài khoản và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về sử dụng Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Các Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	
8.2	Phát triển Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện
8.3	Triển khai mô hình làm việc từ xa theo hướng tiếp tục phát triển hệ thống HNTH kết hợp các mô hình thuê dịch vụ	Các Sở, ban, ngành tỉnh	Sở TT&TT, Văn phòng UBND tỉnh

8.4	Triển khai Trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện
8.4	Nâng cao hàm lượng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động của chính quyền số	Sở TT&TT	Các Sở, ban, ngành tỉnh
8.6	Phát triển các ứng dụng, dịch vụ số chuyên ngành phục vụ hoạt động nội bộ	Các Sở, ban, ngành tỉnh	Sở TT&TT
8.7	Chủ động phối hợp với các bộ, ngành để lựa chọn và phát triển ứng dụng, dịch vụ một cách phù hợp để tiết kiệm chi phí, thời gian triển khai	Các Sở, ban, ngành tỉnh	
8.8	Tiếp tục ứng dụng các công nghệ số mới như điện toán đám mây, di động, Internet vạn vật, mạng xã hội. Từng bước thiết lập hạ tầng dữ liệu lớn để cung cấp dịch vụ số.	Sở TT&TT	
8.9	Triển khai đo lường, đánh giá về Chính quyền số.	Sở TT&TT	
9	**Kinh tế số**		
9.1	Đẩy mạnh công tác truyền thông về Chuyển đổi số trong doanh nghiệp bằng nhiều hình thức	Sở TT&TT	Các Sở, ban, ngành tỉnh
9.2	Đẩy mạnh việc ứng dụng chữ ký số trong cơ quan nhà nước, thúc đẩy sử dụng Hợp đồng điện tử	Các Sở, ban, ngành tỉnh, UBND các cấp; doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chữ ký số	
9.3	Triển khai hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn	Sở TT&TT	Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thị xã, thành phố
9.4	Triển khai Chương trình đánh giá xác định chỉ số mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp	Sở TT&TT	
9.5	Triển khai Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp Chuyển đổi số	Sở KH&ĐT	

10	**Xã hội số**		
10.1	Tăng số lượng người dân có danh tính số/tài khoản định danh điện tử,	Công an tỉnh	
10.2	Tăng số lượng người dân có tài khoản giao dịch tại ngân hàng/tổ chức hợp pháp	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chi nhánh Quảng Ngãi	
10.3	Tăng số lượng người dân có chữ ký số/ chữ ký điện tử cá nhân, hộ gia đình có địa chỉ số.	Sở TT&TT	
10.4	Khuyến khích thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục, bệnh viện, cơ sở y tế	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chi nhánh Quảng Ngãi	
10.5	Phát triển các DVCTT dựa trên nhu cầu người dân và theo các sự kiện trong cuộc đời, người dân chỉ cung cấp thông tin một lần	Sở TT&TT, Văn phòng UBND tỉnh	